

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách 3 tháng năm 2026

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẪU GIÁO TÂM THẮNG

Căn cứ nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/03/2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước

Căn cứ thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/03/2026 của Bộ tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của nghị định 73/2026/NĐ-CP ngày 10/03/2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước

Xét đề nghị của bộ phận kế toán trường Mẫu Giáo Tâm Thắng

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai tình hình thực hiện dự toán thu – chi ngân sách 3 tháng năm 2026 (theo biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Điều 3. Hiệu trưởng, kế toán và các bộ phận liên quan của Trường Mẫu Giáo Tâm Thắng chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Lưu VT.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Nguyễn Thị Hồng

**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH
3 THÁNG 2026**

Kèm theo Quyết định số 12a/ QĐ-MGTT ngày 10/04/ 2026 của Trường Mẫu Giáo Tâm Thắng)

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 03 năm 2026 của Bộ Tài quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

Trường Mẫu giáo Tâm Thắng công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách 3 tháng như sau:

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 3 tháng	Ước thực hiện/ Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 3 tháng nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Phí...				
	Phí...				
3	Thu SXKD, dịch vụ				
	Thu SXKD, dịch vụ				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp				
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
3	Chi SXKD, dịch vụ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Phí...				



Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 3 tháng	Ước thực hiện/ Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 3 tháng nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	Phí...				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước		1,478,064,798		
I	Nguồn ngân sách trong nước		1,478,064,798		
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
1.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo không cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ				
2.2	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
2.3	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo				
	- Nhiệm vụ chuyển đổi số				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo		1,478,064,798		
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ		1,478,064,798		
	- Mục: 6000 Tiền lương		666,753,750		
	6001: Lương theo ngạch, bậc		666,753,750		
	- Mục: 6050 Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng		16,567,200		
	6051: Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng		16,567,200		
	- Mục: 6100 Phụ cấp lương		538,494,853		
	6101: Phụ cấp chức vụ		12,636,000		
	6102: Phụ cấp khu vực		93,600,000		
	6112: Phụ cấp ưu đãi nghề		327,388,230		
	6113: Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc		702,000		
	6115: Phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề		104,168,623		
	- Mục: 6250 Phúc lợi tập thể		1,020,000		
	6299: Chi khác		1,020,000		
	- Mục: 6300 Các khoản đóng góp		170,008,160		
	6301: Bảo hiểm xã hội		134,425,057		
	6302: Bảo hiểm y tế		23,722,069		

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 3 tháng	Ước thực hiện/ Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 3 tháng nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	6304: Bảo hiểm thất nghiệp		7,907,356		
	6349: Các khoản đóng góp khác		3,953,678		
	- Mục: 6500 Thanh toán dịch vụ công cộng		5,809,835		
	6501: Tiền điện		4,820,135		
	6502: Tiền nước		989,700		
	- Mục: 6550 Vật tư văn phòng		30,015,000		
	6551: Văn phòng phẩm		1,205,000		
	6552: Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng		27,310,000		
	6599: Vật tư văn phòng khác		1,500,000		
	- Mục: 6600 Thông tin, tuyên truyền, liên lạc		5,364,000		
	6605: Thuê bao kênh vệ tinh; thuê bao cáp truyền hình; cước phí Internet; thuê đường truyền mạng		1,884,000		
	6649: Khác		3,480,000		
	- Mục: 6700 Công tác phí		4,200,000		
	6704: Khoản công tác phí		4,200,000		
	- Mục: 6900 Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng		22,786,200		
	6907: Nhà cửa		9,975,000		
	6912: Các thiết bị công nghệ thông tin		6,500,000		
	6921: Đường điện, cấp thoát nước		6,311,200		
	- Mục: 7000 Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành		4,800,000		
	7001: Chi mua hàng hóa, vật tư		4,800,000		
	- Mục: 7750 Chi khác		12,245,800		
	7799: Chi các khoản khác		12,245,800		
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
4.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
5	Chi đảm bảo xã hội				
5.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
5.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
6.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
7.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				

Ư
T
R
O
N
G
G
I
Á
T
H
A
N
H

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 3 tháng	Ước thực hiện/ Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 3 tháng nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
8.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
9.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
10.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
11	Chi sự nghiệp Quốc phòng				
11.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
11.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
12	Chi sự nghiệp An ninh				
12.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
12.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chi đảm bảo xã hội				
5.1	Dự án A				
5.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 3 tháng	Ước thực hiện/ Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 3 tháng nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				
11	Chi sự nghiệp Quốc phòng				
11.1	Dự án A				
11.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp An ninh				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi đảm bảo xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
11	Chi sự nghiệp Quốc phòng				
12	Chi sự nghiệp An ninh				

....., ngày 02 tháng 4 năm 2026

Hiệu trưởng

(Chữ ký, dấu)



Nguyễn Thị Hồng